

Bản án số: 40 /2018/HS-ST

Ngày 27 tháng 11 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Bích Loan

Ông Bành Trọng Bình

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/2018/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐXX-HS ngày 12 tháng 11 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thị Thu T**; Giới tính: Nữ;

Tên gọi khác: Không;

Sinh năm: 1963; tại tỉnh Cao Bằng;

Nơi cư trú: Ấp A, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Buôn bán;

Trình độ học vấn: 8/12;

Họ tên cha: Lê Minh Đ (đã chết), Họ tên mẹ: Bành Thị Th (đã chết); Chồng: Nông Minh K (đã chết); Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm: 1987, con nhỏ sinh năm: 1990;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Lê Thị Thu T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Đoàn Văn L**; Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: Không;
Sinh năm: 1973; tại tỉnh Nam Định;
Nơi cư trú: Thôn X, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Làm nông;
Trình độ học vấn: 6/12;
Họ tên cha: Đoàn Như L1, Họ tên mẹ: Trần Thị M; Vợ: Nguyễn Thị Th1;
Con: Bị can có 03 con, con lớn sinh năm: 1996, con nhỏ sinh năm: 2000;
Tiền án, tiền sự: Không;
Bị cáo Đoàn Văn L bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ và tạm giam từ ngày 01/7/2018; Có mặt tại phiên tòa

3. Họ và tên: **Nguyễn Thị S**; Giới tính: Nữ;
Tên gọi khác: Không;
Sinh năm: 1977; tại tỉnh Nam Định;
Nơi cư trú: Thôn X, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Làm nông;
Trình độ học vấn: Không biết chữ;
Họ tên cha: Nguyễn Văn N, Họ tên mẹ: Nguyễn Thị N; Chồng: Đoàn Văn L2; Con: Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm: 1996, con nhỏ sinh năm: 2000;
Tiền án, tiền sự: Không;
Bị cáo Nguyễn Thị S bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa

4. Họ và tên: **Đoàn Thanh H**; Giới tính: Nam;
Tên gọi khác: Không;
Sinh năm: 1979; tại tỉnh Bình Định;
Nơi cư trú: Số B, đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Nghề nghiệp: Lái xe;
Trình độ học vấn: 9/12;
Họ tên cha: Đoàn B, sinh năm: 1943; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị B1, sinh năm: 1950; Vợ: Trinh Thị Kim L, sinh năm: 1985; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm: 2006, con nhỏ sinh năm: 2015;
Tiền án, tiền sự: Không;
Bị cáo Đoàn Thanh H bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phan Dũng Kh, sinh năm 1982
Trú tại: Thôn V, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt
2. Ông Bùi Vũ Trọng Q, sinh năm 1981.
Trú tại: Số C, đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- **Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn L:** Ông Đặng T1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- **Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị S:** Ông Nguyễn Hữu H2 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Văn L:** Ông Lê Xuân Anh Ph – luật sư thuộc chi nhánh Công ty luật TNHH MTV Thoại khánh tại Đắk Lắk. Vắng mặt

- **Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Thanh H:** Ông Nguyễn Văn N – luật sư thuộc Văn phòng luật sư Đức Duy thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- **Người làm chứng:**

1. Anh Vi Chí A

Trú tại: thôn C, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. Anh Đặng Quang Ch

Trú tại: thôn C, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 9/2017, Lê Thị Thu T đến địa phận xã I, huyện E để tìm mua nhà gỗ cũ, tại đây T gặp và biết được gia đình Đoàn Văn L ở thôn X, xã I đang có nhu cầu bán 01 căn nhà gỗ 03 gian. T đến xem nhà và thỏa thuận mua với giá là 230.000.000 đồng, Lễ và vợ là Nguyễn Thị S đồng ý, sau đó T đặt cọc cho vợ chồng L số tiền là 50.000. 000 đồng, số tiền này S là người trực tiếp nhận. Ngày 12/9/2017, T thuê một người lái máy múc và một số người đồng bào (không xác định được nơi ở) đến tháo dỡ căn nhà và đưa hết số gỗ căn nhà của gia đình L lên xe ô tô biển kiểm soát: 47C – 135.63, do Đoàn Thanh H là lái xe cho Công ty TNHH vận tải Văn Gia ở thành phố B điều khiển. Trong lúc bốc gỗ lên xe ô tô, T viết một tờ đơn xin xác nhận vận chuyển nhà gỗ đã qua sử dụng, viết xong, T đưa cho L ký vào đơn rồi đưa cho S mang lên Ủy ban nhân dân xã xác nhận, sau khi được Phó Chủ tịch xác nhận, S cầm giấy mang về cho T. Khoảng 22 giờ cùng ngày, sau khi đã bốc toàn bộ số gỗ căn nhà của L lên xe, T trả hết số tiền 180.000.000 đồng còn lại cho vợ chồng L (S cũng là người trực tiếp nhận số tiền này) rồi cùng H điều khiển xe ô tô chở toàn bộ số gỗ trên về tỉnh Kiên Giang, trên đường đi đến địa phận thôn C, xã I thì bị lực lượng Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt quả tang, qua kiểm tra, H và T không xuất trình được bất kỳ giấy tờ nào chứng minh nguồn gốc số gỗ trên xe. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Đoàn Văn L bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 30/6/2018 đến Công an xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai đầu thú. (Bút lục số 251 đến 318).

Tại kết luận giám định ngày 16/10/2017, của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đắk Lắk kết luận: Khối lượng gỗ: Tổng khối lượng gỗ được quy tròn là: **28,129m³**, trong đó gỗ tròn (cột nhà tạm thời) là: **5,889m³**, gỗ xẻ là: **13,900m³**, quy tròn là: **22,240m³**. Chủng loại gỗ: Bao gồm 06 loại gỗ, thuộc nhóm: III, V, VI, VII và VIII. (Bút lục số 58).

Tại kết luận định giá tài sản số: 04, ngày 20/3/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện E, kết luận: Giá trị khối lượng: **28,129m³** gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII là: **49.824.000** đồng. (Bút lục số 78).

Về vật chứng của vụ án, quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ tổng khối lượng: 28,129m³ gỗ quy tròn, 01 xe ô tô biển kiểm soát: 47C – 135.63. Đối với số lượng: **28,129m³** gỗ, Cơ quan điều tra đã tổ chức bán đấu giá theo quy định, chiếc xe ô tô Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Đối với số tiền 230.000.000 đồng, Đoàn Văn L và Nguyễn Thị S có được từ việc bán căn nhà gỗ, là số tiền do phạm pháp mà có được, cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

Cáo trạng số: 39/KSĐT – HS ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp truy tố các bị cáo Lê Thị Thu T, , Đoàn Văn L, Đoàn Thanh H và Nguyễn Thị S về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” theo khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Thị Thu T, Đoàn Văn L, Đoàn Thanh H và Nguyễn Thị S như nội dung cáo trạng và đưa ra các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Lê Thị Thu T, Đoàn Văn L, Đoàn Thanh H và Nguyễn Thị S phạm tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”.

Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Đoàn Thanh H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng đến 18 tháng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46, Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn L: 04 tháng 29 ngày tù, tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số: 21 ngày 05/06/2018; số 12 ngày 11/4/2018 và số 10 ngày 04/4/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp.

Xét thấy bị cáo L và bị cáo S thuộc hộ nghèo, số tiền mua bán gỗ 230.000.000đ các bị cáo đã sử dụng vào việc trả nợ và chữa bệnh cho mẹ nên thiết nghĩ không cần truy thu số tiền nói trên.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng các hành vi của các bị cáo chưa cấu thành tội phạm “Vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 BLHS năm 1999 và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo vô tội, trả tự do cho bị cáo L tại phiên tòa.

Đại diện viện kiểm sát có ý kiến: Vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, và giữ nguyên quan điểm luận tội đối với các bị cáo như đã trình bày.

Kiểm sát viên, các bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Lê Thị Thu T, Đoàn Văn L, Đoàn Thanh H, Nguyễn Thị S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Vào đầu tháng 9/2017, bị cáo T đến địa phận xã I, huyện E để tìm mua nhà gỗ cũ, tại đây T gặp và biết được gia đình bị cáo L và S ở thôn X, xã I đang có nhu cầu bán 01 căn nhà gỗ 03 gian. Bị cáo T đến xem nhà và thỏa thuận mua với giá là 230.000.000 đồng, bị cáo L và bị cáo S đồng ý, sau đó bị cáo T đặt cọc cho vợ chồng bị cáo L số tiền là 50.000. 000 đồng. Ngày 12/9/2017, bị cáo T thuê một người lái máy móc và một số người đồng bào (không xác định được nơi ở) đến tháo dỡ căn nhà và đưa hết số gỗ căn nhà của gia đình bị cáo L lên xe ô tô biển kiểm soát: 47C – 135.63, do bị cáo H là lái xe cho Công ty TNHH vận tải F ở thành phố B điều khiển. Trong lúc bốc gỗ lên xe ô tô, bị cáo T viết một tờ đơn xin xác nhận vận chuyển nhà gỗ đã qua sử dụng đưa cho bị cáo L ký tên vào giấy xin xác nhận, sau đó đưa cho bị cáo S mang lên Ủy ban nhân dân xã xác nhận. Khoảng 22 giờ

cùng ngày, sau khi đã bốc toàn bộ số gỗ căn nhà của gia đình bị cáo L lên xe, bị cáo T trả hết số tiền 180.000.000 đồng còn lại cho vợ chồng bị cáo L (Bị cáo S cũng là người trực tiếp nhận số tiền này) rồi cùng bị cáo H điều khiển xe ô tô chở toàn bộ số gỗ trên về tỉnh Kiên Giang, trên đường đi đến địa phận thôn C, xã I thì bị lực lượng Công an tỉnh Đắc Lắc phát hiện bắt quả tang, qua kiểm tra, bị cáo H và bị cáo T không xuất trình được bất kỳ giấy tờ nào chứng minh nguồn gốc 28,129 m³ gỗ tròn từ nhóm III đến nhóm VIII.

Tại điểm b mục 1.4 mục phần IV của Thông tư liên tịch số 19/2007 ngày 08/3/2007 gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999 như sau: “ Khai thác, vận chuyển, buôn bán trái phép từ hai loại gỗ trở lên (gỗ thông thường nhóm I - III với gỗ thông thường nhóm IV - VIII; gỗ thông thường với gỗ quý, hiếm nhóm IIA) mà khối lượng của mỗi loại gỗ chưa vượt quá mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tổng khối lượng gỗ trong vụ án vi phạm đó vượt quá mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính đến hai lần mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính quy định đối với gỗ thông thường thuộc nhóm IV đến nhóm VIII quy định cho hành vi tương ứng đó;”.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Thị Thu T, Đoàn Văn L, Đoàn Thanh H và Nguyễn Thị S đã cấu thành tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Điều 175 Bộ luật hình sự.

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

b) Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 154 của bộ luật này.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nó không những trực tiếp xâm phạm đến quản lý bảo vệ rừng mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được việc vận chuyển gỗ không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp là trái pháp luật, bị Nhà Nước nghiêm cấm, nhưng xuất phát từ việc thiếu hiểu biết pháp luật, các bị cáo L, S bị cáo chỉ làm đơn xin xác nhận của UBND xã Ia Rvê về việc vận chuyển số gỗ 28,129m³ gỗ từ nhóm III đến nhóm VIII mà không lập bảng kê lâm sản đến hạt kiểm lâm sở tại để được làm thủ tục vận chuyển đúng quy định. Trong vụ án này bị cáo T là người thực hành cũng là người tham gia tích cực nhất, từ tìm người bán gỗ, xem xét quy cách, thỏa thuận giá cả và thuê xe vận chuyển nên bị cáo phải chịu hình phạt nặng hơn so các bị cáo khác. Các bị cáo L, bị cáo H và bị cáo S, có vai trò là đồng phạm thứ yếu giúp sức cho hành vi vận chuyển gỗ trái

phép của bị cáo T; bị cáo L là người ký vào giấy xác nhận vận chuyển và đưa cho bị cáo S đến UBND xã xin xác nhận; bị cáo H khi được công ty cử đi vào thôn X, xã I vận chuyển gỗ theo hợp đồng giữa bị cáo T với công ty, nhưng khi đến nơi để bóc gỗ thì bị cáo biết số gỗ trên chỉ có xác nhận của UBND xã I mà không có giấy tờ hợp pháp nào khác, bị cáo không báo lại với công ty mà vẫn cùng với bị cáo Thảo vận chuyển. Bị cáo L sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương bị cơ quan công an huyện Ea Súp ra quyết định truy nã đối với bị cáo, sau đó bị cáo đã ra đầu thú. Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải xử phạt các bị cáo với mức án đủ nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo L có bố đẻ là người có công với cách mạng, bị cáo L và bị cáo S thuộc hộ nghèo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xét thấy các bị cáo Đoàn Thanh H, Lê Thị Thu T, Nguyễn Thị T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nên cần áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú theo dõi, giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện cải tạo thành công dân tốt cho xã hội, có ý thức tôn trọng pháp luật, cũng đạt mục đích đấu tranh phòng ngừa chung.

Quá trình điều tra vụ án, và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị S cho rằng ngoài số lượng gỗ căn nhà bị cáo bán cho bị cáo T ra thì bị cáo T còn mua một số cây cột nhà của người khác nữa. Tuy nhiên quá trình điều tra, và tại phiên tòa bị cáo T và bị cáo L cũng không thừa nhận và cũng không chứng minh được ai là người đã bán thêm gỗ cho bị cáo T. Nên không có cơ sở để đặt ra xem xét đối với lời khai này của bị cáo S.

Đối với số tiền 230.000.000đồng bị cáo L và S bán gỗ được, các bị cáo đã dùng số tiền này trả nợ và chữa bệnh cho mẹ, xét các bị cáo thuộc hộ nghèo, nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, có hoàn cảnh khó khăn nếu truy thu số tiền trên thì gia đình càng gặp khó khăn và túng quẫn, đồng thời nếu truy thu sẽ khó để thi hành án được.

[5] Xét đề nghị của Đại diện VKS nhân dân huyện Ea súp về tội danh, hình phạt đối với bị cáo, về các biện pháp tư pháp là có cơ sở cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Thu T, Đoàn Văn L, Đoàn Thanh H, Nguyễn Thị S phạm tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”.

Về hình phạt: -Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b khoản 1, điểm i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn L 04 (Bốn) tháng 29 (Hai chín) ngày tù, tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

-Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thanh H 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Nguyễn Thị S cho UBND xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, giao bị cáo Đoàn Thanh H cho UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và giao bị cáo Lê Thị Thu T cho UBND xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số: 21 ngày 05/06/2018; số 12 ngày 11/4/2018 và số 10 ngày 04/4/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Không truy thu sung công quỹ số tiền 230.000.000đ (Tiền bị cáo L và S bán gỗ cho bị cáo T) đối với bị cáo L và S.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay không có ai có yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- THA DS huyện E;
- UBND xã I;
- UBND P. T, Tp.B;
- UBND xã C, huyện P
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thành Huế